TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 7 - 2024
V/v tranh chấp ranh giới QSDĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng

2. Bà Bùi Thanh Thúy

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà:* Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 17/7 và 22/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công Kh vụ án thụ lý số 229/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp Phú C, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Đ là ông Nguyễn Phú Kh, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số 337 quốc lộ 80, khóm Phú Hòa, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 04/12/2023.

- Bị đơn: 1. Anh Phạm Hữu Tr, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Phú C, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp Phú L, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh T, bà H là anh Phạm Hữu Tr, sinh năm 1983. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/7/2024.

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1961.

3. Anh Võ Thanh Nh, sinh năm 1982.

4. Chị Phạm Thị Th, sinh năm 1990.

5. Cháu Võ Kim Thơ, sinh năm 2011.

6. Cháu Võ Quang Vinh, sinh năm 2014.

Người giám hộ cho cháu Thơ và cháu Vinh là anh Võ Thanh Nh và chị Phạm Thị Th.

Địa chỉ: Ấp Phú C, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Kh, anh Nh, anh Tr có mặt. Bà C, chị Th có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Phú Kh đại diện cho ông Võ Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh Nh trình bày:

Ông Võ Văn Đ đứng tên thửa đất 55 và thửa 72 cùng tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc ấp Phú C, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Giáp ranh với đất của ông Đ là thửa đất 65, tờ bản đồ số 10 do anh Bùi Thanh T đứng tên giấy chứng nhận nhưng hiện bà Bùi Thị H và anh Phạm Hữu Tr đang quản lý, sử dụng.

Ranh giới giữa 3 thửa đất nêu trên là 2 con mương ranh nằm song song hai bên, mỗi bên nữa mương. Đầu ngoài và đầu trong trước đây thì hai bên không có xác định ranh đất nên không có cắm trụ đá hoặc dựng hàng rào làm ranh, chỉ xem mương là mương ranh.

Trong quá trình sử dụng, anh Tr đã tiến hành san lấp mương, nới rộng phần đất, xây hàng rào bê tông phía trước giáp đường qua luôn phần đất của ông Đ, cụ thể:

Khi đường phía trước làm xong thì anh Tr xây dựng hàng rào kiên cố trước nhà anh Tr qua hàng rào lưới B40 của ông Đ khoảng 2 tất. Đến khoảng tháng 11 năm 2023 thì gia đình ông Đ mới xây hàng rào lưới B40 bên trong. Việc anh Tr khi xây dựng tường rào kiên cố đã lấn qua phần đất thuộc thửa 72 của ông Đ chiều ngang 1,72m, lấn qua phần đất thuộc thửa 55 của ông Đ chiều ngang 2,05m.

Trước đây khoảng năm 2010, lúc này vẫn còn mương ranh giữa thửa 65 và thửa 72 thì ông Đ và cha của anh Tr là ông Phạm Hữu Đức có cắm trụ đá xác định ranh đất (hiện trụ đá này vẫn còn), mục đích là phục vụ cho việc xã đo đạc kiểm tra lại diện tích các thửa đất tại xã Phú Hựu. Sau này khi anh Tr xây hàng rào bê tông thì đã qua luôn trụ đá mà ông Đ đã cắm trước đó khoảng 2 tất nên các bên mới phát sinh tranh chấp và yêu cầu Tòa án xác định ranh đất.

Tại buổi hòa giải thì ông Kh là người đại diện theo ủy quyền cho ông Đ và anh Nh yêu cầu Tòa án xác định ranh đất giữa thửa 72 với thửa 65 là các mốc 2 – 3 – 4 – 5 – 6, còn thửa 55 với thửa 65 là từ mốc 14 – 17 – 18 – 19 – 20 – 21 – 25 theo sơ đồ đo đạc ngày 09/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

Tuy nhiên, tại phiên tòa thì ông Kh và anh Nh thống nhất xác định ranh đất giữa thửa 72 và thửa 65 là các mốc A – 3 – 4 – 5 – 6, còn thửa 55 với thửa 65 là từ mốc 14 – 17 – 18 – 19 – 20 – 21 – 25 theo sơ đồ đo đạc ngày 01/7/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

- Bị đơn anh Phạm Hữu Tr, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho anh Bùi Thanh T và bà Bùi Thị H trình bày:

Thửa đất 65 trước đây là của bà Bùi Thị H và ông Phạm Hữu Đức, thời điểm lúc cấp giấy và sau đó chuyển nhượng lại cho anh Bùi Thanh T thì không có đo đạc thực tế.

Thửa đất 65, tờ bản đồ số 10 giáp ranh là thửa 55 và thửa 72 do ông Võ Văn Đ đứng tên, giữa 3 thửa đất là 02 con mương.

Năm 2009 gia đình anh Tr, bà H thỏa thuận thống nhất với ông Võ Văn Đ nên đã cắm trụ đá cặp lộ và dựng hàng rào lưới B40. Đến năm 2013 gia đình anh Tr, bà H chuyển nhượng thửa đất cho anh Bùi Thanh T đứng tên quyền sử dụng đất, tuy nhiên anh Tr bà H vẫn đang quản lý, sử dụng đất từ trước đến nay. Đến năm 2021 do mở rộng đường nông thôn mới của Nhà nước nên anh Tr di dời hàng rào hiến đất làm đường, đầu năm 2022 tiến hành bơm cát lấp mương để làm hàng rào trong phạm vi thửa 65.

Ngày 14/4/2023 tổ hòa giải ấp Phú Cường đã chứng kiến việc hai bên thỏa thuận cắm trụ đá xác định ranh giới và có lập biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên 02 ngày sau khi hòa giải thành thì bên ông Đ đã dời trụ đá.

Ngày 06/7/2023 Hội đồng hòa giải xã Phú Hựu tiến hành hòa giải hai bên thống nhất cắm trụ đá như vị trí đã cắm trước đây ngày 14/4/2023. Tuy nhiên anh Nh con ruột ông Đ không đồng ý theo vị trí thỏa thuận mà yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiếp tục giải quyết.

Hàng rào lưới B40 phía trước (giáp lộ) là ông Đ làm trước khi anh Tr xây hàng rào kiên cố nhưng trước đó anh Tr có trồng 02 trụ đá và kéo lưới B40

nhưng do làm đường nên anh Tr đã dời 02 trụ đá vào bên trong (chính là ngay vị trí mép hàng rào hiện tại).

Ngày 13/10/2023 anh Nh lợi dụng lúc gia đình anh Tr không có ở nhà tự ý trồng trụ đá và dựng hàng rào lưới B40 lấn chiếm qua phần đất thửa 65.

Tuy anh T đứng tên giấy chứng nhận nhưng thửa đất 65 hiện anh Phạm Hữu Tr và bà Bùi Thị H đang quản lý từ trước đến nay nên việc xác định ranh đất không liên quan đến anh T. Nay anh Tr đồng ý xác định ranh đất theo mốc đầu ngòai thửa 65 với thửa 72 là từ mốc 1 – 3 – 4 – 5 – 6. Còn ranh đất giữa thửa 65 với thửa 55 là từ mốc 15 – 17 – 16 - 18 – 19 – 20 – 21 – 25 theo sơ đồ đo đạc ngày 01/7/2024.

Anh Tr đồng ý trả giá trị 1m^2 đất giá 600.000 đồng nếu Tòa án xác định hàng rào anh Tr xây dựng lấn qua đất ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

Xác định ranh đất giữa thửa 65 với thửa 72 là từ mốc 1 – 3 – 4 – 5 – 6. Còn ranh đất giữa thửa 65 với thửa 55 là từ mốc 15 – 17 – 16 – 18 – 19 – 20 – 21 – 25 theo sơ đồ đo đạc ngày 01/7/2024. Anh Tr phải trả giá trị đất lấn chiếm 1.8m^2 cho ông Đ.

+ Chi phí tố tụng và án phí đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật cần giải quyết: Theo đơn khởi kiện ông Võ Văn Đ yêu cầu Tòa án xác định ranh giữa thửa đất 55, thửa 72 của ông Võ Văn Đ với thửa 65 do anh Bùi Thanh T đứng tên (hiện anh Phạm Hữu Tr và bà Bùi Thị H quản lý). Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Các thửa đất tọa lạc tại ấp Phú C, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên theo điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Võ Văn Đ, Hội đồng xét thấy như sau:

Giáp ranh với thửa đất 55 và thửa 72 của ông Võ Văn Đ đứng tên là thửa 65 do anh Bùi Thanh T đứng tên nhưng hiện anh Phạm Hữu Tr và bà Bùi Thị H đang quản lý, sử dụng.

Theo các bên xác định thì trước đây giữa các thửa đất là mương ranh nhưng hiện đã được lấp, không có cấm trụ đá hoặc dựng hàng rào làm ranh đến khi anh Tr bơm cát 02 con mương và làm hàng rào kiên cố phía trước giáp đường vào khoảng tháng 3 năm 2023 qua trụ đá cũ khoảng 2 tất, còn bên trong thì gia đình ông Đ dựng hàng rào lưới B40 nên các bên phát sinh tranh chấp và yêu cầu Tòa án xác định ranh đất.

Phía ông Đ cho rằng ranh đất giữa thửa 72 với thửa 65 là các mốc A – 3 – 4 – 5 – 6. Còn thửa 55 với thửa 65 là các mốc 14 – 17 – 16 - 18 – 19 – 20 – 21 – 25. Anh Tr thì xác định ranh đất giữa thửa 72 với thửa 65 là các mốc 1 – 3 – 4 – 5 – 6. Còn thửa 55 với thửa 65 là các mốc 15 – 17 – 16 - 18 – 19 – 20 – 21 – 25. Như vậy chỉ còn mốc 1 và mốc A hay mốc 4 và mốc 5 là chưa thống nhất, những mốc còn lại các bên đều thống nhất.

Nên muốn xem xét ranh đất của các bên thì trước tiên phải xác định diện tích các thửa đất đủ hay thiếu so giấy chứng nhận, thời điểm được cấp giấy các thửa đất có được đo đạc thực tế không? Trong quá trình sử dụng đất thì các bên có cắm trụ đá hoặc kéo lưới B40 để phân định ranh đất không?

Qua đo đạc thực tế thì diện tích 3 thửa đất đều thiếu so với giấy chứng nhận được cấp, cụ thể: Thửa 72 thiếu 82m^2, thửa 55 thiếu 68m^2 và thửa 65 thiếu 50m^2. Tuy nhiên theo Công văn số 1631/UBND-NC ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân Huyện xác định thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 55, 65 và thửa 72 thì không có đo đạc thực tế nên không thể xác định diện tích ghi trong giấy chứng nhận có đúng diện tích thực tế trước khi được cấp giấy hay không. Hơn nữa các đương sự cũng xác định khi Nhà nước làm đường nông thôn thì các hộ dân trong đó có gia đình ông Đ và gia đình anh Tr đều đồng ý hiến đất để mở rộng làm đường dal ra 3.5m. Do đó nếu diện tích của một thửa đất thiếu thì có thể do những nguyên nhân khác, chưa đủ cơ sở xác định người giáp ranh lấn đất.

Về thực trạng ranh giữa thửa 55 và thửa 65 thì vào năm 2009 gia đình anh Tr có trồng trụ đá kéo lưới B40 để xác định ranh tại vị trí mốc 15 – mốc 17 và bơm cát sử dụng cho đến nay, phía ông Kh, anh Nh cũng thừa nhận việc này. Tuy tại phiên tòa ông Kh, anh Nh cho rằng lúc gia đình anh Tr trồng trụ đá kéo

lưới B40 thì gia đình ông Đ không đồng ý nhưng lại không có ý kiến hoặc tranh chấp gì nên xem như gia đình ông Đ mặc nhiên thừa nhận mốc 15 là ranh đất. Phía ông Đ cho rằng ranh đất là mốc 14 nhưng lại không có gì chứng minh và cũng không được anh Tr, anh T thừa nhận. Những mốc bên trong thì anh Tr thống nhất theo vị trí mà phía ông Đ xác định nên Hội đồng xét xử xác định ranh giữa thửa đất 55 với thửa 65 là từ mốc 15 – 17 – 16 - 18 – 19 – 20 – 21 – 25.

Về hiện trạng ranh giữa thửa 65 và thửa 72: Ông Kh, anh Nh xác định trước đây khoảng năm 2010 lúc ông Phạm Hữu Đức (Cha anh Tr) còn sống thì ông Đức và ông Đ đã cắm trụ đá để xác định ranh đất (ngay vị trí mốc A) hiện nay vẫn còn. Lúc đầu bên phía ông Đ không thống nhất theo trụ đá này tuy nhiên tại phiên tòa thì ông Kh, anh Nh thống nhất lấy trụ đá mốc A là ranh đất. Còn anh Tr cho rằng trước đây gia đình anh Tr có trồng trụ đá, dựng hàng rào để làm ranh đất nhưng sau khi làm đường thì mới dời 2 trụ đá vô trong (ngay mép hàng rào kiên cố tương ứng mốc 1 và mốc 15) nên anh Tr không thừa nhận mốc A là ranh đất. Tuy nhiên anh Tr cung cấp Biên bản hòa giải thành ở cơ sở ngày 11/4/2023 do tổ hòa giải ấp Phú Bình thực hiện có nội dung: *"Qua thỏa thuận hai bên thống nhất vị trí cắm ranh phía trước hướng tây cách hàng rào ông Trí mới xây 0,2m".* Nếu đối chiếu thực tế thì vị trí hai bên thống nhất ghi trong biên bản hòa giải thành ở cơ sở chính là ngay trụ đá mốc A.

Do đó Hội đồng xét xử xác định ranh giữa thửa 65 và thửa 72 là các mốc A – 3 – 4 – 5 – 6.

Tại phiên tòa anh Tr xác định hàng rào bê tông của anh Tr xây dựng sau khi ông Đ kéo hàng rào lưới B40, đáng lý vị trí hàng rào của anh Tr phải được xây ngay vị trí trụ đá mốc A trở về đất anh Tr đang quản lý nhưng anh Tr lại xây dựng đã qua vị trí mốc A là 0,2m nếu buộc anh Tr di dời tường rào để trả lại diện tích lấn chiếm 1,8m^2 thì mức độ thiệt hại sẽ nhiều hơn so với trả giá trị đất. Hơn nữa mặc dù anh T là người đang đứng tên giấy chứng nhận nhưng anh Tr là người đang quản lý, sử dụng đất, hàng rào do anh Tr xây dựng, anh Tr cũng đồng ý một mình chịu các khoản chi phí phát sinh trong vụ án nếu Tòa án buộc bên anh phải chịu nên chỉ cần buộc anh Tr có trách nhiệm trả giá trị đất lấn chiếm là 1,8m^2 (từ mốc 1 – A – 3 – 1) cho ông Đ là được.

Các đương sự xác định giá đất tại vị trí mốc 1 – A – 3 – 1 và mốc 14 – 15 – 16 – 17 – 14 có giá 600.000 đồng/m^2 nên anh Tr phải trả số tiền là 1.080.000 đồng.

Do đã buộc anh Tr trả giá trị đối với 1,8m^2 đất lấn chiếm nên Hội đồng xét xử sẽ xác định lại ranh đất giữa thửa đất 65 và thửa 72 là các mốc 1 – 3 – 4 – 5 – 6.

[2.2] Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 10.544.710 đồng. Do chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn Đ nên ông Đ và anh Tr mỗi bên phải chịu 1/2 chi phí này tương ứng 5.272.355 đồng. Do ông Đ đã tạm ứng và chi xong nên anh Tr phải hoàn trả lại cho ông Đ số tiền 5.272.355 đồng.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Đ chỉ được chấp nhận một phần nên ông Đ phải chịu 300.000 đồng án phí. Tuy nhiên ông Đ là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí. Vì vậy ông Đ được miễn nộp số tiền này.

Đồng thời anh Tr cũng phải chịu 300.000 đồng án phí liên quan việc xác định ranh đất.

[3] Qua nội dung phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Đ.

- Xác định ranh đất giữa thửa 72, tờ bản đồ số 10 với thửa 65, tờ bản đồ số 10 là các mốc 1 – 3 – 4 – 5 – 6.

- Xác định ranh đất giữa thửa 55, tờ bản đồ số 10 với thửa 65, tờ bản đồ số 10 là các mốc 15 – 17 – 16 - 18 – 19 – 20 – 21 – 25. Các thửa đất tọa lạc ấp Phú C, xã Phú H, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 03/01/2024 và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 01/7/2024).

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất đã xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác.

2. Buộc anh Phạm Hữu Tr phải trả giá trị 1.8m^2 đất cho ông Võ Văn Đ với số tiền là 1.080.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi bản án có hiệu lực, các bên có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê Kh đăng ký, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo qui định của pháp luật về đất đai.

3. Chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 10.544.710 đồng. Ông Võ Văn Đ chịu 5.272.355 đồng và anh Phạm Hữu Tr chịu 5.272.355 đồng. Do ông Đ đã tạm ứng và chi xong nên anh Tr phải hoàn trả lại cho ông Đ số tiền 5.272.355 đồng.

4. Về án phí: Ông Võ Văn Đ thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

Anh Phạm Hữu Tr phải chịu 300.000 đồng án phí liên quan việc xác định ranh đất.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (Bình);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan